

Phụ lục I

DANH MỤC THUỐC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU

(Kèm theo Quyết định số 2034/QĐ-BVĐKKH ngày 03 tháng 07 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa)

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng chào giá	Đơn giá chào giá	Thành tiền	Tên công ty	Ghi chú
1	Hapacol 80	Gói 1g chứa: Paracetamol	80mg	Uống	Thuốc bột sủi bột	Hộp 24 gói x 1g	36 tháng	893100013400	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Gói	15.000	1.050	15.750.000	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	
2	Zaromax 500	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	893110271323	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	10.000	5.250	52.500.000	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	
3	Augmentin ES	Sau khi hoàn nguyên, mỗi 5 mL hỗn dịch thuốc chứa 600mg amoxicillin (dưới dạng amoxicillin trihydrate) và 42,9mg acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanate), tỷ lệ 14:1	Sau khi hoàn nguyên, mỗi 5 mL hỗn dịch thuốc chứa 600mg amoxicillin (dưới dạng amoxicillin trihydrate) và 42,9mg acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanate), tỷ lệ 14:1	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 1 chai chứa bột pha 50 mL hỗn dịch uống	24 tháng	300110965424	Glaxo Wellcome Production	Pháp	Chai	10.000	283.200	2.832.000.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	
4	Galvus Met 50mg/1000mg	Metformin Hydrochloride, Vildagliptin	1000mg, 50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	18 tháng	400110771824	Cơ sở sản xuất: Novartis Pharma Produktions GmbH; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Lek Pharmaceuticals d.d., Poslovna enota PROIZVODNJA LENDAVA	Cơ sở sản xuất: Đức; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Slovenia	Viên	15.000	9.274	139.110.000	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	
5	NATRI CLORID 0,9%	Natri Clorid	0,9g/100ml, chai 500ml	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Chai 500ml	36 tháng	893100428324 (VD-26717-17)	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Chai	3.000	7.140	21.420.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2	
6	Mydocalm 150	Tolperison hydrochlorid	150mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	48 tháng	599110013124 (VN-17953-14)	Gedeon Richter Plc	Hungary	Viên	30.000	4.263	127.890.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	
7	Verospiron	Spironolactone	50mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên	60 tháng	VN-19163-15 (Cổ QĐ gia hạn số 573/QĐ-QLD ngày 23/9/2022)	Gedeon Richter Plc	Hungary	Viên	10.000	4.935	49.350.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	
8	Cedetamin TH	Betamethsone; Dexchlorpheniramine maleate	0,25mg; 2mg	Uống	Viên nén	Chai 500 viên	36 tháng	893110424424 (VD-31733-19)	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	25.000	112	2.800.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	
9	Hydrocolacyl	Prednisolon	5mg	Uống	Viên nén	Chai 1000 viên	36 tháng	893110885924	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	30.000	135	4.050.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	
10	Kagasдинe	Omeprazol (dưới dạng Omeprazol pellet 8,5%)	20mg	Uống	Viên nang cứng chứa pellet bao tan trong ruột	Chai 1000 viên	36 tháng	893110136825	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	5.000	200	1.000.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	
11	Rotundin 60	Rotundin	60mg	Uống	Viên nén	Chai 1000 viên	36 tháng	893110102624	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	10.000	840	8.400.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng chào giá	Đơn giá chào giá	Thành tiền	Tên công ty	Ghi chú
12	Sallet	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)	2mg/5ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 10 ống x 5ml	24 tháng	893115256000 (VD-34495-20)	Công ty cổ phần dược VTYT Hà Nam	Việt Nam	Ông	10.000	3.780	37.800.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Sơn - NAMPHACO	
13	Cao ích mẫu	Ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu	Mỗi 90ml chứa: Ích mẫu 72g; Hương phụ 22,5g; Ngải cứu 18g	Uống	Cao lỏng	Hộp 1 chai 100ml	36 tháng	VD-22491-15	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC	Việt Nam	Chai	50	23.520	1.176.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	
14	Cồn xoa bóp	Ô đầu, Địa liền, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Camphor, Riềng.	(0,50g; 2,50g; 1,00g; 1,00g; 1,50g; 1,50g; 1,0% (khối lượng/thể tích); 2,50g)/50ml; 90ml	Dùng ngoài	Cồn thuốc dùng ngoài	Hộp 1 chai x 90ml	36 tháng	893110849624	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC	Việt Nam	Chai	50	23.100	1.155.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	
15	Hoastex	Húng chanh, Núc nác, Cineol.	Mỗi 5ml chứa: Húng chanh (Folium Plectranthi amboinici) 2,5g; Núc nác (Cortex Oroxyli) 0,625g; Cineol 0,093 % (w/v)	Uống	Sirô thuốc	Hộp 1 chai 90ml	36 tháng	893100311300	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC	Việt Nam	Chai	12.000	35.673	428.076.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	
16	Mimosa viên an thần	Lá sen, Lá vông nem, Lạc tiên, Bình vôi, Trinh nữ.	Cao Bình vôi 49,5mg tương đương với: Bình vôi 150mg; Cao Mimosa 242mg tương đương với: Lá Sen 180mg; Lạc tiên 600mg; Lá vông nem 600mg; Trinh nữ 638mg.	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 5 vi x 10 viên	36 tháng	VD-20778-14	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC	Việt Nam	Viên	15.000	1.062	15.930.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	
17	Thuốc ho người lớn OPC	Tỳ bà điệp, Cát cánh, Bách bộ, Tiền hồ, Tang bạch bì, Thiên môn, Bạch linh/Phục linh, Cam thảo, Hoàng cầm, Cineol, Menthol.	Mỗi 90 ml chứa: Cao lỏng được liệu 1:2 (tương đương với: Tỳ bà điệp (Folium Eriobotryae) 16,20 g; Cát cánh (Radix Platycodi grandiflori) 1,80 g; Bách bộ (Radix Stemonae tuberosae) 2,79 g; Tiền hồ (Radix Peucedani) 1,80 g; Tang bạch bì (Cortex Mori albae radicis) 1,80 g; Thiên môn (Radix Asparagi cochinchinensis) 2,70 g; Phục linh/Bạch linh (Poria) 1,80 g; Cam thảo (Radix et Rhizoma Glycyrrhizae) 0,90 g; Hoàng cầm (Radix Scutellariae) 1,80 g) 63,00 ml; Menthol 0,02 % (g/ml); Cineol 0,02 % (g/ml).	Uống	Nhũ tương uống	Hộp 1 chai 90ml	36 tháng	893100311500	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC	Việt Nam	Chai	200	27.720	5.544.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	
18	Thuốc rơ miệng Nyst	Mỗi gói 1g chứa Nystatin	25.000IU	Rơ miệng	Thuốc bột	Hộp 10 gói x 1g	36 tháng	893100165025	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC	Việt Nam	Gói	3.000	980	2.940.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	
19	LIGABA 75	Pregabalin	75mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vi x 14 viên	36 tháng	520110141623	Pharmathen International S.A.	Hy Lạp	Viên	15.000	2.825	42.375.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	
20	Dopegyt	Methyldopa anhydrous (dưới dạng methyldopa 1.5 H2O)	250mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	60 tháng	599110417323 (VN-13124-11)	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Viên	15.000	2.800	42.000.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Hà	

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng chào giá	Đơn giá chào giá	Thành tiền	Tên công ty	Ghi chú
21	Ginkor Fort	Cao ginkgo biloba + heptaminol hydrochloride + troxerutin	14mg + 300mg + 300mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên	24 tháng	VN-16802-13 (QĐ gia hạn số 265/QĐ-QLD ngày 11/5/2022)	Mayoly Industrie	Pháp	Viên	10.000	8.000	80.000.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Hà	
22	Grandaxin	Tofisopam	50mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vi x 10 viên	36 tháng	599110407523 (VN-15893-12)	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	Viên	5.000	8.000	40.000.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Hà	
23	Hydrosol Polyvitamine Pharma Developpement	Vitamin A + Vitamin D2 + Vitamin E + Vitamin B1 + Vitamin B2 + Vitamin B6 + Vitamin PP + Vitamin C + Vitamin B5	50000 UI + 10000 UI + 20 mg + 20 mg + 15 mg + 20 mg + 100 mg + 500 mg + 40 mg	Uống	Dung dịch uống giọt	Hộp 1 chai 20ml	24 tháng	300100005424 (VN-18668-15)	Pharma Developpement	Pháp	Chai	500	125.000	62.500.000	Công ty Cổ phần Eutical	
24	PIRACETAM KABI 12g/60ml	Piracetam	12g/60ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 chai 60ml	36 tháng	VD-21955-14 (QĐ gia hạn số 833/QĐ-QLD ngày 21/12/2022)	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	15.000	48.000	720.000.000	Công ty Cổ phần GONSA	
25	Incepavit 400 capsule	Vitamin E acetate (all-rac-alpha-tocopheryl acetate) 400mg	Vitamin E acetate (all-rac-alpha-tocopheryl acetate) 400mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 03 vi x 10 viên	24 tháng	894110795224 (VN-17386-13)	Incepta Pharmaceuticals Limited - Zirabo Plant	Bangladesh	Viên	10.000	1.850	18.500.000	Công ty Cổ phần Việt Nga	
26	Vinhopro	Ciprofloxacin	250 mg	Uống	Cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 10 gói, gói 3g	36 tháng	893115113124	Công ty Cổ phần Liên doanh Dược phẩm Éloge France Việt Nam	Việt Nam	Gói	10.000	9.550	95.500.000	Công ty Cổ phần Việt Nga	
27	PM NextG Cal	Phospho (dưới dạng Hydroxyapatite microcrystalline) 55mg, Calci (dưới dạng Hydroxyapatite microcrystalline) 120mg, Vitamin D3 (dưới dạng Dry Vitamin D3 type 100 CWS) 2mcg, Vitamin K1 (dưới dạng Dry vitamin K1 5% SD) 8mcg	55mg, 120mg, 2mcg, 8mcg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 5 vi x 12 viên	36 tháng	930100785624 (VN-16529-13)	Probiotec Pharma Pty Limited	Úc	Viên	12.000	5.250	63.000.000	Công ty TNHH Đại Bắc - Miền Nam	
28	Bromhexin Actavis 8mg	Bromhexin hydrochlorid	8mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 vi x 20 viên	36 tháng	380100399523	Balkanpharma - Dupnitsa AD	Bulgaria	Viên	10.000	460	4.600.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed	
29	Ceelin	Vitamin C	100mg/5ml; 120ml	Uống	Sirô	Hộp 1 chai 120ml	24 tháng	893100569224	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	Chai	2.000	51.890	103.780.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed	
30	Ceelin	Vitamin C	100mg/5ml; 60ml	Uống	Sirô	Hộp 1 chai 60ml	24 tháng	893100569224	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	Chai	2.000	41.500	83.000.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed	
31	Mucosta Tablets 100mg	Rebamipid	100mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	499110142023	Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd. Tokushima Itano Factory	Nhật	Viên	30.000	4.002	120.060.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed	
32	Pletaal tablets 100mg	Cilostazol	100mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	36 tháng	880110079423	Korea Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.	Hàn Quốc	Viên	3.000	8.983	26.949.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed	
33	Sitagliptin Plus XR	Metformin Hydrochloride + Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate monohydrate)	1000mg + 100mg(128,52mg)	Uống	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	Hộp 3 vi x 10 viên	24 tháng	893110491925	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	Viên	15.000	19.000	285.000.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed	

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng chào giá	Đơn giá chào giá	Thành tiền	Tên công ty	Ghi chú
34	Stugeron	Cinnarizine	25mg	Uống	Viên nén	Hộp 25 vỉ x 10 viên nén	60 tháng	VN-14218-11 (Có QĐ gia hạn số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023)	OLIC (Thailand) Limited	Thái Lan	Viên	10.000	742	7.420.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed	
35	Prospan Cough Syrup	Cao khô lá thường xuân chiết bằng ethanol 30% theo tỷ lệ [5 -7,5 :1]	17,5mg/2,5ml	Uống	Siro	Hộp 1 chai 85ml siro	36 tháng	400200006124 (VN-17873-14)	Engelhard Arzneimittel GmbH & Co..KG	Đức	Chai	1.500	68.000	102.000.000	Công ty TNHH Dược phẩm IVY	
36	Calcium corbière extra	Calcium glubionate; Calcium lactobionate	Mỗi ống 5ml chứa: Calcium glubionate 1469,30mg; Calcium lactobionate 319,91mg	Uống	Dung dịch uống	Hộp 03 vỉ x 10 ống 10ml	18 tháng	893100172125	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Việt Nam	Ống	30.000	5.942	178.260.000	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế Hoàng Đức	
37	Calcium corbière extra	Calcium glubionate; Calcium lactobionate	Mỗi ống 5ml chứa: Calcium glubionate 1469,30mg; Calcium lactobionate 319,91mg	Uống	Dung dịch uống	Hộp 03 vỉ x 10 ống 5ml	18 tháng	893100172125	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Việt Nam	Ống	30.000	4.809	144.270.000	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế Hoàng Đức	
38	Onglyza	Saxagliptin	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	36 tháng	001110400423	Cơ sở sản xuất: AstraZeneca Pharmaceuticals LP; Cơ sở đóng gói: AstraZeneca UK Ltd	Nước sản xuất: Mỹ; Nước đóng gói: Anh	Viên	3.000	17.310	51.930.000	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế Hoàng Đức	
39	Piascledine	Cao toàn phần không xà phòng hóa quả bơ và dầu đậu nành 300mg; (Tương ứng: phần không xà phòng hóa dầu quả bơ 100mg; phần không xà phòng hóa dầu đậu nành 200mg)	300mg (100mg + 200mg)	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 15 viên, 2 vỉ x 15 viên	36 tháng	300210726524	Laboratoires Expanscience	Pháp	Viên	12.000	12.000	144.000.000	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế Hoàng Đức	Nhóm 4 _Dược liệu
40	Plendil Plus	Felodipine, Metoprolol succinat	Felodipine 5mg; Metoprolol succinat 47,5mg (tương đương với Metoprolol tartrate 50mg hoặc metoprolol 39mg)	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 1 chai x 30 viên	36 tháng	VN-20224-17	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	15.000	7.396	110.940.000	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế Hoàng Đức	
41	Silygamma	Silymarin	150 mg	Uống	Viên	Hộp 4 vỉ x 25 viên	36 tháng	VN-16542-13	Dragenopharm Apotheker Puschl GmbH	Đức	Viên	60.000	5.360	321.600.000	Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Thăng Long Sài Gòn	
42	Tazenase	Lisinopril (dưới dạng lisinopril dihydrat)	20 mg	Uống	Viên	Hộp 4 vỉ x 14 viên	24 tháng	VN-21369-18	Bluepharma Industria Farmaceutica, S.A	Bồ Đào Nha	Viên	5.000	3.600	18.000.000	Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Thăng Long Sài Gòn	
43	Alphachymotrypsine choay	Chymotrypsine	21 microkatal	Uống/ ngậm dưới lưỡi	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 15 viên	30 tháng	893110342224	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Việt Nam	Viên	50.000	2.383	119.150.000	Công ty TNHH Thương mại và Dược phẩm Sang	